

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 346/STTTT-TTBCXB

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2018

V/v báo cáo đánh giá sơ kết 03 năm (2016
– 2018) theo yêu cầu của Bộ TT&TT tại
Công văn số 1981/BTTTT-KHTC

Kính gửi:

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện.

Thực hiện Công văn số 1981/BTTTT-KHTC ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 630/VPUBND-KGVX ngày 04 tháng 7 năm 2018 (đính kèm);

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị quý cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được phân công báo cáo đánh giá sơ kết 03 năm (2016 – 2018) thực hiện Dự án “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” và Tiêu chí số 08 về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình Xây dựng nông thôn mới như sau

- Đối với Dự án 4 “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo báo cáo theo mẫu số 3; chi tiết tình hình sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Dự án 4 theo biểu số 02 và biểu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (đính kèm).

- Đối với nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới báo cáo theo biểu số 6 và biểu số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông (đính kèm).

Báo cáo của quý cơ quan, đơn vị và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông chậm nhất ngày 14 tháng 7 năm 2018 (gửi file qua hệ thống eOffice và qua email: nnthuy@dongthap.gov.vn) để Sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- GD & PGD Sở;
- Lưu: VT, TTBCXB, BCVT.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Thanh Sơn

Mẫu số 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG ĐẦU KỲ, GIỮA KỲ VÀ CUỐI KỲ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**TÊN CƠ QUAN
BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày tháng năm ...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ

I. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đánh giá việc thiết kế Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

- Về mục tiêu: Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) có phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội không? có đảm bảo giảm được nghèo theo mục tiêu đề ra không?

- Về đối tượng: mức độ hưởng lợi của các đối tượng ưu tiên (số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số...) có cần điều chỉnh hoặc bổ sung thêm đối tượng không (như hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo?)

- Về công tác chỉ đạo, điều hành: hợp lý chưa? cần bổ sung sửa đổi như thế nào?

- Về cơ chế tổ chức thực hiện: phù hợp, đồng bộ và hệ thống chưa? Có gì phải điều chỉnh không?

2. Đánh giá việc bố trí nguồn lực cho Chương trình

- Ngân sách trung ương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); ngân sách địa phương bố trí, trong đó (đầu tư phát triển; sự nghiệp); huy động khác (theo các nguồn);

- Mức độ đầy đủ và kịp thời về kinh phí so với nhu cầu để thực hiện từng hoạt động của dự án.

- Mức huy động từ các nguồn vốn khác nhau cho giảm nghèo (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, đóng góp từ doanh nghiệp, từ các tổ chức quốc tế, của cộng đồng và cá nhân).

- Các vướng mắc, bất cập trong bố trí vốn.

3. Đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình

- Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình: có đúng tiến độ như kế hoạch theo các giai đoạn hay không? nguyên nhân của việc chậm tiến độ (nếu có).

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo so với kế hoạch của giai đoạn (theo huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn).

- Kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập của các hộ nghèo, hộ cận nghèo so với kế hoạch của giai đoạn (theo huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn).

- Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn so với kế hoạch của giai đoạn (gồm huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn).

- Kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể khác của Chương trình.

(Kèm theo Biểu số 01)

2. Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng hưởng lợi

- Đánh giá sự tham gia của các đối tượng hưởng lợi vào công tác lập kế hoạch trung hạn và hàng năm của Chương trình (tổng số cuộc họp thôn lập kế hoạch, số lượt người tham gia các cuộc họp thôn lập kế hoạch trong đó ghi rõ tổng số, số người nghèo, người cận nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số).

- Đánh giá sự tham gia của người dân trong tổ chức thực hiện theo các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình (mức độ đóng góp, tham gia vào giám sát, tham gia vận hành và duy tu, bảo dưỡng).

- Đánh giá mức độ hưởng lợi của hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số... trong các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình

- Đánh giá công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.

- Đánh giá tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.

- Đánh giá mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

- Đánh giá công tác phối hợp giữa các bộ ngành, sở ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

- Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình.

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án;

- Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...)

2. Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình.

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Bộ, ngành, sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Đề xuất về hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...)

- Đề xuất khen thưởng các địa phương có kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình cần nhân rộng.

VI. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tổng hợp các Biểu số 02, Biểu số 04.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- ...

- ...

Biểu mẫu 2

Tỉnh.....
Huyện.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch 6 tháng, năm tiếp theo
				6 tháng, cả năm	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	2	3	4	5=4/3	6
A	Dự án 1 Chương trình 30a					
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				

	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					
1	<i>Tổng ngân sách</i>	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2.1	Huyện nghèo					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
2.2	Xã ĐBKK vùng bãi ngang					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
IV	Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài					
1	Tổng ngân sách, gồm	Triệu đồng				
	- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Huy động nguồn khác	Triệu đồng				

2	Kinh phí giải ngân	Triệu đồng				
	- Chia theo nguồn ngân sách					
	+ Ngân sách Trung ương	Triệu đồng				
	+ Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	+ Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
	- Chia theo hoạt động					
	+ Hỗ trợ người lao động	Triệu đồng				
	+ Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn đi làm việc ở nước ngoài	Triệu đồng				
	+ Tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động về nước	Triệu đồng				
3	Kết quả thực hiện					
3.1.1	Hỗ trợ đào tạo					
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	- Trong đó:					
	Số lao động được hỗ trợ đào tạo nghề trong tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết):	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	- Trong đó:					
	Số lao động hoàn thành khóa đào tạo nghề trong tổng số lao động hoàn thành các khóa đào tạo	Người				
	Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.1.2	Tổng số lao động được hỗ trợ thủ tục xuất cảnh	Người				
	Chia theo đối tượng:					

	- Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	- Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	- Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.1.3	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người				
	- <i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	- <i>Trong đó:</i>	Người				
	Tổng số lao động được đào tạo nghề đã xuất cảnh					
	<i>Chia theo đối tượng:</i>					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc hộ cận nghèo	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
3.2	Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn					
3.2.1	Nâng cao năng lực cán bộ					
	- Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện	Lớp				
	- Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực	Người				
3.2.2	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
	- Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương	Người				
	- Số buổi tuyên truyền, vận động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động	Buổi				
3.3	Tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại địa phương					
	- Số lao động được tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước	Người				
	- Số lao động có việc làm sau khi được tư vấn	Người				
B	Chương trình 135					
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				

	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
3	Tổng số xã	Xã				
4	Tổng số thôn bản	Thôn bản				
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK					
1	<i>Tổng ngân sách</i>	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
III	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBK					
1	<i>Tổng ngân sách</i>	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
C	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền					

	vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Số dự án PTSX					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
D	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1.	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyện san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực					

	hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại				
	+ Số người tham gia đối thoại	Người				
2.2.	Hoạt động giảm nghèo về thông tin					
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ				
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ				
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyện san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	ấn phẩm				
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện				
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện				
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm				

	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm				
E	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình					
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá					
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn				

Biểu số 8

Tỉnh.....
Huyện.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Thông tin giám sát hoạt động Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

ST T	Loại hoạt động truyền thông	Nội dung truyền thông	Phương tiện truyền thông	Mã dự án/tiểu dự án	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Số người được truyền thông	Trong đó					Ngôn ngữ sử dụng	
							NST W	NSD P	Đóng góp từ người hưởng lợi				Nghèo	Cận nghèo	Mới thoát nghèo	DTT S	Phụ nữ		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	(chương trình phát thanh, truyền hình; diễn đàn chính sách; hội thi; và khác - nêu rõ)	(phổ biến chính sách, gương giảm nghèo, khác - nêu rõ)	(phát thanh, hình, báo điện tử, báo giấy, tờ rơi, trực tiếp...)	(nêu thống nhất theo mã dự án và tiểu dự án của Chương trình)							(chỉ báo cáo khi hoạt động có địa điểm thực hiện được xác định)	(chỉ báo cáo khi hoạt động có thống kê được số người nhận tin)							(có dùng tiếng DTTS không, nếu có nêu rõ)
2																			
3																			
4																			
5																			
6																			
7																			
8																			
9																			
TỔNG CỘNG																			

....., ngày tháng năm ...

UBND huyện.....

(ký tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Biểu mẫu này cho cấp làm chủ đầu tư hoạt động nào thì báo cáo hoạt động đó; chỉ sử dụng với các hoạt động TT&GNTT sử dụng vốn sự nghiệp
- Khi cấp huyện tổng hợp thì bổ sung thêm cột "tên xã" và dòng "tổng cộng" toàn huyện
- Khi cấp tỉnh tổng hợp từ cấp huyện thì bổ sung thêm cột "huyện" và thêm dòng "tổng cộng" cho toàn tỉnh

- Nếu là hoạt động tập huấn NCNL truyền thông cho cán bộ văn hóa - thông tin cơ sở thì sử dụng Biểu số 09
- Mã dự án, tiểu dự án như sau:
 - + Mã 4.1: Dự án 4, hoạt động truyền thông giảm nghèo
 - + Mã 4.2: Dự án 4, hoạt động giảm nghèo về thông tin

Báo cáo
Đánh giá sơ kết 03 năm (2016 – 2018) tình hình thực hiện
Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

Biểu mẫu 6

BÁO CÁO PHÂN BỐ MỤC TIÊU, KINH PHÍ THỰC HIỆN NỘI DUNG “TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ” THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Năm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Số lượng (đài/trạm)	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)				Ghi chú
			Tổng số	Gồm			
				Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	Nguồn huy động	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Nâng cấp phần phát thanh của đài truyền thanh huyện						
1	Huyện A						
1	Huyện						
....						
II	Nâng cấp phần phát thanh của trạm phát lại phát thanh, truyền hình						
1	Trạm B thuộc huyện						
2	Trạm						
...	...						
III	Thiết lập mới đài truyền thanh xã						
1	Xã C						
1	Xã						
...	...						
IV	Nâng cấp đài truyền thanh xã						
1	Xã D						
1	Xã						
...	...						

V	Thiết lập mới trạm truyền thanh thôn						
1	Huyện E						
1.1	Xã G						
a	Thôn H						
b	Thôn						
...	...						
1.2	Xã						
a	Thôn ...						
b	Thôn ...						
...	...						
2	Huyện						
2.1	Xã.....						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	...						
	Tổng cộng						

Biểu mẫu 7

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, KINH PHÍ THỰC HIỆN NỘI DUNG “TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ” THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Kỳ báo cáo

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm		Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu Chương trình	
		Số lượng (đài/trạm)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (đài/trạm)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (đài/trạm)	Kinh phí (triệu đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Nâng cấp phần phát thanh của đài truyền thanh huyện						
1	Huyện A						
1	Huyện						
....						
II	Nâng cấp phần phát thanh của trạm phát lại phát thanh, truyền hình						
1	Trạm B thuộc huyện						
2	Trạm						
...	...						
III	Thiết lập mới đài truyền thanh xã						
1	Xã C						
1	Xã						
...	...						
IV	Nâng cấp đài truyền thanh xã						
1	Xã D						
1	Xã						
...	...						

V	Thiết lập mới trạm truyền thanh thôn						
1	Huyện E						
1.1	Xã G						
a	Thôn H						
b	Thôn						
...	...						
1.2	Xã						
a	Thôn ...						
b	Thôn ...						
...	...						
2	Huyện						
2.1	Xã.....						
a	Thôn						
b	Thôn						
...	...						
	Tổng cộng						